

Số: /2025/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý hoạt động cấp nước sạch
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số

117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 202 ...

2. Quyết định này bãi bỏ các văn bản: Quyết định số 39/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về ban hành quy định quản lý hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Điều 21 Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về ban hành quy định phân cấp thực hiện công tác quản lý nhà nước ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB và QLXLVPHC-Bộ Tư Pháp;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT Thông tin điều hành (đăng công báo);
- BLĐ VP UBND tỉnh;
- Phòng: KTN, KTTH, KGVX, TH;
- Lưu: VT. KTN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Văn Chính

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết một số nội dung về quản lý hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch tại khu vực đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Những nội dung không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây viết là Ủy ban nhân dân cấp xã); các cơ quan nhà nước được phân công quản lý nhà nước về hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có liên quan đến hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch tại khu vực đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Phạm vi khu vực đô thị trong Quy định này được hiểu là toàn bộ địa giới hành chính của các phường, khu vực thuộc địa giới hành chính của xã đã được cấp thẩm quyền phân loại và công nhận là đô thị, khu vực khác thuộc địa giới hành chính của xã được xác định chức năng đô thị trong các đồ án quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phạm vi khu vực nông thôn được hiểu là toàn bộ địa giới hành chính của các xã, trừ các khu vực được quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đơn vị cấp nước đô thị là đơn vị cấp nước hoạt động sản xuất, cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long với vùng phục vụ chủ yếu tại các

phường, khu vực được công nhận đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

4. Đơn vị cấp nước nông thôn là đơn vị cấp nước hoạt động sản xuất, cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long với vùng phục vụ chủ yếu trên địa bàn các xã, không bao gồm các đơn vị cấp nước đô thị theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý hoạt động cấp nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý về hoạt động cấp nước, có phân công trách nhiệm theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sử dụng nước và đơn vị cấp nước, có xét đến việc hỗ trợ cấp nước cho người nghèo, các khu vực đặc biệt khó khăn.

2. Nước sạch là hàng hóa đặc biệt và hoạt động cấp nước là hoạt động sản xuất, kinh doanh có điều kiện, chịu sự kiểm soát của Nhà nước theo quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch theo điều kiện nguồn nước, kinh tế - xã hội, không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Ưu tiên khai thác các nguồn nước để phục vụ cấp nước cho mục đích sinh hoạt, ăn uống của người dân và các cộng đồng dân cư.

4. Nhà nước có trách nhiệm định hướng phát triển hệ thống cấp nước nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng; đồng thời khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức cá nhân tham gia phát triển và bảo vệ hệ thống cấp nước.

5. Việc phát triển hệ thống cấp nước phải tuân thủ quy hoạch và kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời phải đảm bảo cung cấp nước sạch đạt quy chuẩn, ổn định, liên tục; công tác quản lý giá nước sạch và chất lượng dịch vụ cấp nước phải được thực hiện minh bạch, công khai.

6. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến sự an toàn, vệ sinh của nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước, hồ chứa nước, phục vụ cho khai thác, xử lý và mạng lưới đường ống cấp nước.

Chương II QUẢN LÝ HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

Điều 5. Tiêu chuẩn cấp nước

1. Trong vùng phục vụ cấp nước, các đơn vị cấp nước có trách nhiệm đảm bảo chất lượng, lưu lượng, áp lực, liên tục, ổn định phù hợp với các quy định pháp luật và các tài liệu gồm: thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, kế hoạch phát triển cấp nước, hợp đồng dịch vụ cấp nước.

2. Tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt được áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long như sau: tối thiểu 120 lít/người/ngày đêm đối với các đô thị; tối thiểu 80 lít/người/ngày đêm đối với khu vực nông thôn.

3. Các khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp được cấp nước đầy đủ theo nhu cầu về áp lực và lưu lượng.

Điều 6. Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

1. Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt phải bảo đảm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT được ban hành kèm Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế và quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

2. Trong khi Ủy ban nhân dân tỉnh chưa ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương mới theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế thì tạm thời áp dụng quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo từng địa bàn trước sáp nhập tỉnh, cụ thể như sau:

a) Đối với địa bàn thuộc tỉnh Bến Tre trước khi sáp nhập, áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCĐP 01:2022/BTr, được ban hành kèm theo Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

b) Đối với địa bàn thuộc tỉnh Trà Vinh trước khi sáp nhập, áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCĐP 01:2022/TV, được ban hành kèm theo Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

c) Đối với địa bàn thuộc tỉnh Vĩnh Long trước khi sáp nhập, áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT, được ban hành kèm Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3. Đối với các công trình xây dựng sử dụng nước sạch từ đơn vị cấp nước và có bể nước trung gian trong hệ thống cấp nước nội bộ, đơn vị vận hành công trình chịu trách nhiệm quản lý và đảm bảo chất lượng nước tại bể nước trung gian.

Điều 7. Áp lực nước tự do

1. Áp lực nước tự do nhỏ nhất tại điểm đầu nối cho khách hàng sử dụng nước tại khu vực đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp không được nhỏ hơn 10m cột nước và không cao hơn 40m cột nước tính từ mặt đất.

2. Áp lực nước tự do nhỏ nhất tại điểm đầu nối cho khách hàng sử dụng nước tại khu vực nông thôn không được nhỏ hơn 8m cột nước và không cao hơn 40m cột nước tính từ mặt đất.

Điều 8. Đầu tư phát triển hệ thống cấp nước

1. Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước phải phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo việc sử dụng hợp lý các nguồn nước an toàn và bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu. Khuyến khích kết nối cấp

nước từ khu vực đô thị cho khu vực nông thôn, hạn chế đầu tư các công trình phân tán, nhỏ lẻ.

2. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã trong vùng phục vụ rà soát, lập kế hoạch đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước, đảm bảo tất cả các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có công trình xây dựng, nhà ở hợp pháp được cung cấp nước sạch theo nhu cầu và đảm bảo các nội dung tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Quy định này.

3. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm đầu tư đồng bộ đến điểm đầu nối của khách hàng sử dụng nước bao gồm cả đồng hồ đo nước theo hợp đồng cấp nước.

4. Đối với các hệ thống cấp nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc chuyển giao cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện quản lý, khai thác theo quy định tại khoản 2 Điều 64 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ, Nghị định 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

5. Đối với dự án đầu tư xây dựng khu dân cư, khu đô thị, khu chung cư, thương mại, dịch vụ, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách, việc bàn giao, quản lý, vận hành hệ thống cấp nước phải được xác định ngay từ bước lập dự án đầu tư để được xem xét khi thẩm định, phê duyệt dự án.

Điều 9. Di dời hệ thống mạng lưới ống cấp nước

Việc di dời hệ thống mạng lưới ống cấp nước do đơn vị cấp nước quản lý phải được đơn vị cấp nước thực hiện trong các trường hợp sau:

1. Di dời để phù hợp với nhu cầu xây dựng các công trình như: nhà, đường, cầu cảng, công trình thoát nước, điện lực, bưu chính viễn thông, công trình chỉnh trang đô thị theo dự án xây dựng, quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Chủ đầu tư các dự án công trình xây dựng liên hệ với đơn vị cấp nước có liên quan xác định khối lượng cần di dời; việc di dời công trình cấp nước được bồi thường, hỗ trợ theo quy định pháp luật về đầu tư và đất đai.

2. Di dời theo yêu cầu của khách hàng sử dụng nước và phù hợp với các điều kiện quản lý mạng cấp nước của đơn vị cấp nước. Trường hợp này, chi phí di dời do bên khách hàng sử dụng nước chịu trách nhiệm thanh toán cho đơn vị cấp nước theo định mức, đơn giá tại thời điểm yêu cầu.

Điều 10. Hệ thống ống dẫn nước sau đồng hồ đo nước

1. Hệ thống ống dẫn nước sau đồng hồ đo nước do khách hàng sử dụng nước tự thiết kế, lắp đặt phải thích hợp với các thiết bị, đường ống của đơn vị cấp nước, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định. Khi khách hàng sử dụng nước đề nghị đơn vị cấp nước thiết kế, lắp đặt hệ thống cấp nước sau đồng hồ đo nước thì đơn vị cấp nước và khách hàng tự thỏa thuận thực hiện.

2. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm kiểm tra đồng hồ đo nước định kỳ và được phép kiểm tra hệ thống ống dẫn nước sau đồng hồ của khách hàng.

Điều 11. Tạm ngừng dịch vụ cấp nước

Đơn vị cấp nước được tạm ngừng dịch vụ cấp nước trong các trường hợp sau:

1. Hệ thống cấp nước bị sự cố, hư hỏng đột xuất, hoặc di chuyển, sửa chữa, cải tạo theo kế hoạch hàng năm của đơn vị cấp nước. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm thông báo cho khách hàng trên các phương tiện thông tin đại chúng và chuẩn bị phương án cấp nước thay thế trong thời gian khắc phục sự cố. Trong trường hợp thời gian tạm ngừng cung cấp nước quá 03 ngày hoặc phạm vi ảnh hưởng trên 30 khách hàng sử dụng nước, đơn vị cấp nước phải kịp thời báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước theo phân cấp và Ủy ban nhân dân cấp xã tại khu vực bị ảnh hưởng.

2. Khi có quyết định hoặc đề nghị bằng văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp khác được quy định tại Khoản 1 Điều 45 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ.

Điều 12. Cung cấp nước phòng cháy, chữa cháy

1. Việc đầu tư, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng trụ nước chữa cháy thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Đơn vị cấp nước đảm bảo luôn cung cấp đủ áp lực, lưu lượng cho hệ thống họng, trụ cứu hỏa trên mạng lưới cấp nước.

Điều 13. An ninh, an toàn cấp nước

1. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm chủ động, phối hợp với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương tổ chức thực hiện bảo đảm an ninh, an toàn trong hoạt động cấp nước nhằm quản lý rủi ro và khắc phục sự cố có thể xảy ra từ nguồn nước, cơ sở xử lý nước và hệ thống truyền dẫn, phân phối nước đến khách hàng sử dụng; bảo đảm cung cấp nước sạch ổn định, duy trì đủ áp lực, liên tục, đủ lượng nước, đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn quy định góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe con người. Đơn vị cấp nước đô thị, khu kinh tế bảo đảm thực hiện đầy đủ trách nhiệm được quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn. Đơn vị cấp nước nông thôn bảo đảm thực hiện đầy đủ trách nhiệm được quy định tại Điều 20 Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn.

2. Kế hoạch cấp nước an toàn của tỉnh Vĩnh Long được lập cho toàn tỉnh bao gồm cho các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu

vực nông thôn theo chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Kinh phí thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn do đơn vị cấp nước lập và được tính vào chi phí sản xuất chung trong giá tiêu thụ nước sạch được thẩm định và phê duyệt theo quy định.

4. Các hành vi vi phạm trong hoạt động cấp nước sẽ xử lý nghiêm theo các quy định hiện hành: Điều 42, Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 46 Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng; Điều 15 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế; Nghị định 290/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước; các quy định pháp luật có liên quan khác.

Điều 14. Nguyên tắc, trình tự xử lý sự cố hệ thống cấp nước

Đơn vị cấp nước quản lý hệ thống cấp nước có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tổ chức xử lý sự cố đối với hệ thống cấp nước (nguồn nước, đường ống, trạm bơm tăng áp, trạm hóa chất, công trình xử lý nước, chất lượng nước) theo nguyên tắc, nội dung, trình tự sau đây:

1. Nguyên tắc:

- a) Báo cáo sự cố và phối hợp giải quyết sự cố đảm bảo nhanh chóng, kịp thời, đúng trình tự quy định.
- b) Khẩn trương, kịp thời khắc phục sự cố và ngăn ngừa các nguy hiểm có thể tiếp tục xảy ra do sự cố.
- c) Đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ nguyên nhân sự cố để xử lý dứt điểm sự cố và xác định đối tượng chịu trách nhiệm (nếu có).
- d) Việc xác định mức độ thiệt hại phải đảm bảo tính chính xác và đầy đủ.

2. Trình tự xử lý sự cố:

- a) Tạm thời ngưng cung cấp nước tại khu vực xảy ra sự cố nếu cần thiết để khắc phục sự cố; lập biên bản về nội dung sự cố kèm theo các thông tin, số liệu, hình ảnh về sự cố.
- b) Kiểm tra, đánh giá nguyên nhân và giải quyết sự cố thuộc phạm vi trách nhiệm của đơn vị. Trường hợp sự cố nghiêm trọng, đơn vị cấp nước thông tin kịp thời và phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn thực hiện các biện pháp xử lý và khắc phục; đề xuất phương án cấp nước thay thế nếu có khả năng gián đoạn về cấp nước trên 48 giờ.
- c) Khẩn trương huy động con người, thiết bị thực hiện các biện pháp kịp thời để bảo đảm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra do sự cố. Trong quá trình khắc phục sự cố, đảm bảo thông tin liên lạc kịp thời, liên tục, đúng đối tượng và thông suốt.

d) Báo cáo và giải trình nội dung liên quan đến sự cố tới chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn, khách hàng. Đánh giá tổng thể sự cố và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, xử lý các sự cố có thể xảy ra trong tương lai.

Điều 15. Hợp đồng dịch vụ cấp nước

1. Cung cấp nước sinh hoạt là hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định tại Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15, Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Thông tư 42/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

2. Nội dung hợp đồng dịch vụ cấp nước thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ và Mục VI Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

3. Khuyến khích các đơn vị cấp nước triển khai ký kết, theo dõi, lưu trữ hợp đồng dịch vụ cấp nước bằng các biện pháp số hóa trên môi trường điện tử theo quy định pháp luật.

Điều 16. Giá nước sạch

1. Giá nước sạch là hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể. Việc định giá phải tuân thủ quy định tại Luật Giá số 16/2023/QH15 và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Phương án giá nước sạch lập theo quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt và các quy định pháp luật có liên quan khác.

3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ nước sạch được quy định tại Quyết định số 22/2025/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, trong đó chất lượng nước sạch đáp ứng quy định tại Điều 5 Quy định này.

4. Định mức lập phương án giá nước sạch được căn cứ theo định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước được công bố tại Quyết định 590/QĐ-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước và các định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan khác.

5. Đối với các dự án đầu tư về hoạt động cấp nước sạch theo phương thức đối tác công tư (PPP), việc áp dụng, điều chỉnh giá nước sạch trong quá trình lựa

chọn nhà đầu tư, ký hợp đồng tuân thủ theo quy định tại Điều 65 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14. Phương án giá nước sạch dùng để xem xét trong dự án đầu tư về cấp nước sạch phải được lập theo quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 17. Xây dựng, cập nhật, quản lý dữ liệu cấp nước

1. Dữ liệu hệ thống cấp nước bao gồm:
 - a) Đối với nhà máy nước: Đơn vị quản lý, vị trí, công suất, tính chất nguồn nước thô, công nghệ xử lý, chất lượng nước sau xử lý.
 - b) Đối với trạm bơm: Đơn vị quản lý, vị trí, công nghệ, công suất, áp lực.
 - c) Đối với mạng lưới đường ống trước đồng hồ đo nước: Đơn vị quản lý, vị trí, đường kính, chất liệu, thời điểm đầu tư, tình trạng sử dụng.
 - d) Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch; tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch.
2. Dữ liệu hệ thống cấp nước được đơn vị cấp nước chủ động xây dựng, số hóa, quản lý và cập nhật thường xuyên theo yêu cầu và hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

Chương III TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước tại các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo hoạt động sản xuất, cung cấp nước sạch của các đơn vị cấp nước đô thị, khu kinh tế nêu tại khoản 3 Điều 3 Quy định này.
2. Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan chức năng thực hiện phân định đơn vị cấp nước đô thị và đơn vị cấp nước nông thôn theo nguyên tắc quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 Quy định này.
3. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch cấp nước an toàn của tỉnh Vĩnh Long quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy định này và điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn.
4. Chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, tham mưu công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn của đơn vị cấp nước trong phạm vi quản lý theo quy định tại Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Điều 6 Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước

của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc rà soát, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc tổ chức rà soát và thực hiện các công việc về phân vùng phục vụ cấp nước, lựa chọn đơn vị cấp nước, ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước.

7. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án giá bán nước sạch do đơn vị cấp nước trong phạm vi quản lý lập.

8. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

9. Tổng hợp báo cáo về tình hình thực hiện quản lý sản xuất, tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh gửi về Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước khu vực nông thôn; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo hoạt động sản xuất, cung cấp nước sạch của các đơn vị cấp nước nông thôn nêu tại khoản 4 Điều 3 Quy định này.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá việc xây dựng, thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn và Điều 6 Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án giá bán nước sạch do đơn vị cấp nước trong phạm vi quản lý lập.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Thống kê tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị cấp nước tổ chức điều tra, khảo sát tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh tại nông thôn và toàn tỉnh, gắn với thực hiện báo cáo Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn hàng năm theo quy định Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ, Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

6. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Thuế tỉnh và các địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách ưu đãi về đất đai, chính sách về hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và huy động vốn, chính sách hỗ trợ bù giá nước sạch đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực cung cấp nước sạch khu vực nông thôn.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định và thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ nguồn nước phục vụ cho mục đích cấp nước sạch theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

8. Hướng dẫn đơn vị cấp nước, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác xác định, phê duyệt, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo quy định của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15, Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước.

9. Tổng hợp báo cáo về tình hình thực hiện quản lý sản xuất, tiêu thụ nước sạch tại khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Chịu trách nhiệm kiểm tra định kỳ về chất lượng nước sạch sau sản xuất được quy định tại Điều 6 của Quy định này.

2. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban

hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị cấp nước thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra về công tác duy trì, đảm bảo chất lượng nước sạch tại các bể chứa, bể nước trung gian trong các công trình công cộng gồm: bệnh viện, trường học, ký túc xá, nhà công vụ, nhà lưu trú, chung cư, trụ sở cơ quan hành chính, công trình công cộng khác.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Công thương

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đối với hợp đồng dịch vụ cấp nước.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh huy động nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước; đề xuất các dự án đầu tư cấp nước sạch theo thứ tự ưu tiên trên cơ sở quy hoạch được duyệt để kêu gọi đầu tư.

2. Tham mưu bố trí kế hoạch vốn đầu tư các dự án đầu tư cấp nước thuộc nguồn ngân sách nhà nước theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định phương án giá nước sạch do đơn vị cấp nước lập.

4. Đối với các dự án đầu tư xây dựng trong lĩnh vực cấp nước đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, chưa đi vào hoạt động, Sở Tài chính thực hiện chức năng quản lý đầu tư và là cơ quan chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong quá trình thực hiện dự án, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ quan quản lý chuyên môn khi dự án chính thức khai thác, vận hành.

Điều 23. Trách nhiệm của Thuế tỉnh

Hướng dẫn các đơn vị cấp nước phát hành hóa đơn sử dụng nước sạch hoặc hóa đơn điện tử theo quy định, đăng ký nộp thuế khai thác tài nguyên nước, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thực hiện các chính sách miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật về thuế và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 24. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tổ chức thẩm định công nghệ các dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý nước sạch và kiểm tra công nghệ đã được vận hành hoạt động tại các dự án đầu tư xây dựng xử lý nước sạch.

2. Chủ trì, phối hợp Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

3. Cập nhật và công bố thông tin khoa học, các nghiên cứu phát minh sáng chế được công nhận ứng dụng hiệu quả trong lĩnh vực cấp nước.

4. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực đo lường đối với các phương tiện đo nằm trong danh mục quản lý nhà nước tại các đơn vị cấp nước.

Điều 25. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Phối hợp, hướng dẫn các đơn vị cấp nước bảo vệ an ninh các mục tiêu trọng yếu về cung cấp nước sạch.

2. Chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương có liên quan phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã điều tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi làm ô nhiễm nguồn nước thô, nước sạch.

3. Đầu tư, quản lý, sử dụng hệ thống phòng cháy chữa cháy:

a) Đầu tư hoặc nhận bàn giao, tổ chức quản lý, vận hành, bảo trì, sử dụng có hiệu quả hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy trong khu vực đô thị, khu dân cư, khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp;

b) Kiểm tra chất lượng, chủng loại, mẫu mã vật tư, thiết bị phòng cháy chữa cháy chuyên dùng trên hệ thống cấp nước chữa cháy trước khi lắp đặt;

c) Phối hợp với các đơn vị quản lý, vận hành hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy xây dựng phương án quản lý, sử dụng hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy; lập kế hoạch sử dụng nước cần thiết cho công tác phòng cháy chữa cháy hàng năm; xác nhận số lượng nước đã sử dụng cho công tác phòng cháy chữa cháy từ hệ thống cấp nước đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp làm cơ sở thanh toán tiền sử dụng nước thực tế cho đơn vị cấp nước.

Điều 26. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Vĩnh Long

1. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ cấp nước trên phạm vi địa bàn quản lý.

2. Phối hợp với các đơn vị có liên quan và các đơn vị cấp nước bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý, đảm bảo các dịch vụ cấp nước đầy đủ, có sẵn để sử dụng, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của doanh nghiệp; phối hợp giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên phạm vi địa bàn quản lý.

3. Phối hợp Sở Xây dựng báo cáo tình hình tiêu thụ nước sạch trên phạm vi địa bàn quản lý định kỳ 06 tháng, 01 năm và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 27. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện các chức năng và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước được quy định tại khoản 9, Điều 60, Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ và các nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Phối hợp Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát và thực hiện các công việc về phân vùng phục vụ cấp nước, lựa chọn đơn vị cấp nước,

ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước.

2. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, phối hợp với đơn vị cấp nước bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý và tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn do mình quản lý.

3. Tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động về sử dụng nước sạch trên địa bàn (tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch, chất lượng nước, vệ sinh môi trường nguồn nước) theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở ngành tỉnh phân công nhiệm vụ.

4. Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị cấp nước và các đơn vị có liên quan khác, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao ý thức về lợi ích của việc sử dụng nước sạch, sử dụng nước tiết kiệm, bảo vệ công trình cấp nước, bảo vệ nguồn nước, kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi phá hoại, trộm cắp nước, gây ô nhiễm nước sạch chưa sử dụng và nguồn nước thô.

5. Phối hợp với lực lượng phòng cháy, chữa cháy và đơn vị cấp nước tổ chức đầu tư hệ thống các trụ cứu hỏa từ nguồn ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 28. Trách nhiệm của các đơn vị cấp nước

1. Đơn vị cấp nước sạch căn cứ khung giá tiêu thụ nước sinh hoạt; quy chế tính giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch do Nhà nước ban hành xây dựng phương án giá nước sạch, điều chỉnh giá nước sạch trình Sở Xây dựng (đối với đơn vị cấp nước đô thị), trình Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với đơn vị cấp nước nông thôn) thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Lập và ký với Ủy ban nhân dân cấp xã thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước trong phạm vi phục vụ theo nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ và Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ Xây dựng.

3. Lập kế hoạch cấp nước an toàn, xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch cấp nước an toàn phù hợp theo điều kiện cụ thể của hệ thống cấp nước tại địa bàn phục vụ.

4. Có nghĩa vụ bảo đảm việc đầu nối các khách hàng sử dụng nước sạch vào mạng lưới cấp nước sạch trong vùng phục vụ của mình.

5. Tổ chức sản xuất an toàn, cung cấp ổn định, liên tục dịch vụ cấp nước cho các khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước sạch, áp lực, lưu lượng theo quy chuẩn kỹ thuật và hợp đồng dịch vụ cấp nước đã ký kết, có phương án ứng phó phù hợp với các tình huống bất lợi như mất điện, ô nhiễm, suy kiệt nguồn nước, xâm nhập mặn; ưu tiên áp dụng các phương pháp, phần mềm quản lý, vận hành hiện đại, sử dụng các thiết bị, vật tư ngành nước tiên tiến, có độ bền cao và không ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân; đẩy mạnh công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch, bảo vệ an toàn nguồn nước; chủ động nghiên cứu,

đầu tư lắp đặt đồng hồ đo nước công nghệ mới kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin để tạo thuận lợi cho khách hàng, giảm chi phí trong việc quản lý và thu tiền sử dụng nước.

6. Phối hợp với lực lượng Công an xây dựng phương án đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ an toàn các mục tiêu trọng yếu về cung cấp nước sạch.

7. Chủ động tự tổ chức kiểm tra chất lượng nước sạch, thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin về chất lượng nước sinh hoạt theo quy định.

8. Xây dựng, quản lý, cập nhật và báo cáo dữ liệu hệ thống cấp nước theo quy định tại Điều 17 về Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan quản lý theo phân công và Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Quản lý Khu kinh tế theo địa bàn phục vụ cấp nước.

Điều 29. Trách nhiệm của các hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân sử dụng nước trong sinh hoạt, kinh doanh

1. Khách hàng sử dụng nước phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện các thỏa thuận khác trong hợp đồng dịch vụ cấp nước.

2. Sử dụng nước tiết kiệm; thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước khi phát hiện những dấu hiệu bất thường có thể gây thất thoát nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản.

3. Tạo điều kiện để đơn vị cấp nước kiểm tra hệ thống ống dẫn nước sau đồng hồ đo nước và ghi chỉ số của đồng hồ nước.

4. Bảo đảm các trang thiết bị sử dụng nước đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp với đặc tính kỹ thuật trang thiết bị của đơn vị cấp nước.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Triển khai thực hiện

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm phổ biến, triển khai thực hiện Quy định này.

Điều 31. Điều chỉnh, sửa đổi

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.